

PGS.TS. NGUYỄN XUÂN TRUNG
(Chủ biên)

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ
DÂN TỘC - TÔN GIÁO
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
NHẪM PHÁT HUY SỨC MẠNH
ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Sách chuyên khảo)



ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. NGUYỄN HOÀI ANH

Biên tập nội dung: TS. VÕ VĂN BÉ
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
TRẦN TRUNG THÀNH
VŨ THỊ HỒNG THỊNH
NGUYỄN VIỆT HÀ
ĐƯỜNG HỒNG MAI
Trình bày bìa: HOÀNG MINH TÁM
Chế bản vi tính: HỒNG THỊNH
Đọc sách mẫu: BÍCH LIỄU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 48-2023/CXBIPH/9-152/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 2070-QĐ/NXBCTQG, ngày 09/01/2023.

Nộp lưu chiểu: tháng 02 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-57-8392-4.

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

DÂN TỘC - TÔN GIÁO

Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NHẪM PHÁT HUY SỨC MẠNH

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. NGUYỄN XUÂN TRUNG
(Chủ biên)

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ
DÂN TỘC - TÔN GIÁO
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
NHẪM PHÁT HUY SỨC MẠNH
ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(Sách chuyên khảo)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2022

TẬP THỂ TÁC GIẢ

PGS.TS. NGUYỄN XUÂN TRUNG (Chủ biên)

PGS.TS. LÊ VĂN LỢI

TS. ĐINH QUANG THÀNH

TS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

ThS. TRẦN THỊ THANH GIANG

ThS. NGÔ THỊ HẢO

TS. TRẦN THỊ HỘI

ThS. NGUYỄN THỊ LUYẾN

TS. LÊ THỊ HẰNG

TS. TRỊNH MINH THÁI

TS. TRẦN THỊ ĐIỀU

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Với tư cách là một hiện tượng xã hội, tôn giáo luôn có ảnh hưởng nhất định đến đời sống văn hóa, đạo đức, tinh thần, tâm linh và cả tư tưởng chính trị của nhiều cộng đồng dân cư trên toàn thế giới. Trong sự tác động đó, Việt Nam cũng không phải là trường hợp ngoại lệ, đặc biệt là những năm gần đây, cùng với quá trình đổi mới, sinh hoạt tôn giáo có xu hướng phát triển mạnh hơn trước với nhiều sắc thái mới. Sự phát triển mạnh mẽ của tôn giáo, bên cạnh những giá trị tích cực cũng làm nảy sinh những vấn đề phức tạp về văn hóa - xã hội, an ninh quốc gia... ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là tới khối đại đoàn kết chung của dân tộc, đòi hỏi chúng ta phải có đường lối, chủ trương, chính sách, giải pháp phù hợp.

Trên cả bình diện lý luận và thực tiễn, Hồ Chí Minh đã có cách giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo rất độc đáo, đặc sắc, sáng tạo, nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Khác với C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh không đấu tranh trực diện với thần học Cơ đốc giáo, với giáo lý của đạo Phật..., mà nhìn nhận tôn giáo trên bình diện văn hóa, đạo đức, với quan niệm: tôn giáo là vấn đề con người và vì con người. Vì thế, Hồ Chí Minh đã chú trọng khai thác các giá trị tích cực của tôn giáo, đặc biệt

là những giá trị về mặt đạo đức và văn hóa để tập hợp lực lượng, đoàn kết đồng bào tôn giáo vào trong khối đại đoàn kết chung của dân tộc. Hồ Chí Minh luôn đặt và giải quyết vấn đề tôn giáo trong mối quan hệ với vấn đề dân tộc (quốc gia), luôn tìm những mẫu số chung, điểm tương đồng giữa tôn giáo và dân tộc để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Chính điều đó đã tạo nên tư tưởng khoan dung và giá trị nhân văn sâu sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Những quan điểm, cách làm sáng tạo về tôn giáo cũng như công tác tôn giáo mà Hồ Chí Minh để lại tạo nên di sản quý báu mà Đảng và nhân dân ta cần phải biết kế thừa, phát huy qua các giai đoạn cách mạng, nhất là ở những giai đoạn có nhiều thay đổi có tính chất bước ngoặt, nhiều vấn đề xuất hiện về tôn giáo như hiện nay.

Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng, Nhà nước đã vận dụng sáng tạo quan điểm và cách giải quyết vấn đề tôn giáo của Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Bên cạnh những thành quả đạt được, vẫn còn những bất cập nảy sinh trong công tác tôn giáo, làm ảnh hưởng tới sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

Xuất phát từ những lý do và ý nghĩa trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh* do PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung chủ biên.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 6 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương I

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC - TÔN GIÁO NHẪM PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

I- MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. Khái niệm dân tộc

Muốn hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo, mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo thì trước hết cần phải hiểu rõ nội hàm khái niệm dân tộc, tôn giáo là gì.

Lâu nay trên thực tế, ở Việt Nam, dân tộc thường được hiểu theo hai nghĩa, một là để chỉ một quốc gia - dân tộc có chủ quyền, hai là để nói về các dân tộc cụ thể trong một quốc gia đa dân tộc mà người ta thường gọi là tộc người. Khái niệm dân tộc còn được dùng để chỉ những dân tộc không phải người Kinh, tức là họ là những dân tộc thiểu số. Từ quan niệm như vậy về dân tộc dẫn đến nhận thức trong việc đặt tên cho các cơ quan nhà nước có liên quan đến cộng đồng thiểu số ở Việt Nam như Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Dân tộc của Chính phủ, Ban dân tộc các tỉnh. Thậm chí, khái niệm dân tộc

được sử dụng như là một danh từ riêng (người dân tộc - chỉ một người hay nhóm người thiểu số cụ thể nào đó)... Hiểu như vậy về khái niệm dân tộc là chưa thực sự chính xác, thuyết phục về học thuật, vì hiểu như vậy nghĩa là đã không thừa nhận cộng đồng tộc người đa số là người Kinh vốn cũng thuộc phạm trù dân tộc. Và như vậy cũng vô tình đã tạo nên sự so sánh, đối lập giữa người Kinh và các dân tộc còn lại của Việt Nam, gây ảnh hưởng không tốt tới khối đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc. Vì vậy, chúng ta phải có cách nhìn nhận, đánh giá lại về khái niệm dân tộc.

Khái niệm dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hiểu theo hai nghĩa. Khi Người nói: “*Nước Việt Nam ta là một, dân tộc Việt Nam ta là một*”¹ là muốn nói đến sự thống nhất, không thể chia cắt của quốc gia - dân tộc Việt Nam. Khi Người nói: “*Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc*”² thì từ dân tộc ở đây lại nói về các dân tộc đa số và thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hiểu như vậy là rất chính xác và đầy đủ về khái niệm dân tộc theo nghĩa chủng tộc. Trong những hoàn cảnh và với ngữ nghĩa khác nhau, Người lại giải quyết vấn đề dân tộc theo những hướng khác nhau.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.12.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.371.

2. Khái niệm tôn giáo

Cho đến nay, vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau khi định nghĩa về tôn giáo (khoảng 150 định nghĩa về tôn giáo). Thuật ngữ tôn giáo - “religion” xuất phát từ gốc La tinh (relege) có nghĩa là thu lượm thêm sức mạnh siêu nhiên. Thuật ngữ religion thoát tiên được sử dụng ở châu Âu để chỉ một tôn giáo... sau đó thành khái niệm mang tính phổ quát để chỉ mọi tôn giáo¹. “Tôn giáo” xét về ý nghĩa lý luận, nó là sự tưởng tượng, quan niệm, ý nguyện, tình cảm của con người; mặt khác, xét về ý nghĩa thực tiễn, nó là cử chỉ, hành vi, thao tác hoạt động của con người².

Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Nhà xuất bản Khoa học xã hội định nghĩa: *Tôn giáo là sự công nhận một sức mạnh được coi là thiêng liêng quyết định một hệ thống ý nghĩa và tư tưởng của con người về số phận của mình trong và sau cuộc đời hiện tại, do đó quyết định phần nào hệ thống đạo đức, đồng thời thể hiện bằng những tập quán lễ nghi tổ thái độ tin tưởng và tôn sùng sức mạnh đó.*

Còn theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội thông qua năm 2016 thì: “Tôn giáo là niềm tin của

1. Xem Đặng Nghiêm Vạn: *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.16-19.

2. Xem Trác Tân Bình: *Lý giải tôn giáo* (Trần Nghĩa Phương dịch), Nxb. Hà Nội, 2007, tr.15.

con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức”¹.

Bên cạnh khái niệm tôn giáo còn có khái niệm tín ngưỡng. Theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 thì: “Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng”².

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh có khi hai khái niệm này được phân biệt rõ, nhưng có khi hai khái niệm này không có sự phân biệt. Ví dụ, khi Người nói: “Không nên xúc phạm đến tín ngưỡng phong tục của dân (như nằm trước bàn thờ, giơ chân lên bếp, đánh đàn trong nhà...)”³ thì tín ngưỡng được hiểu là những hiện tượng kiêng cử cụ thể. Còn khi Người nói: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết”⁴ thì rõ ràng khái niệm tín ngưỡng ở đây được Hồ Chí Minh dùng theo nghĩa rộng, bao hàm cả tín ngưỡng và tôn giáo.

Việt Nam là một quốc gia gồm nhiều thành phần dân tộc và cũng là quốc gia đa tôn giáo. Cách giải quyết vấn

1. Điều 2, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

2. Điều 2, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.501.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.8.

đề dân tộc - tôn giáo cả trong lịch sử và hiện tại đều có ảnh hưởng rất lớn tới sự thành công của mục tiêu tập hợp lực lượng để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập Tổ quốc và xây dựng đất nước. Hồ Chí Minh chính là người thành công nhất trong việc giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng Việt Nam.

Ở đây, chúng ta không bàn đến tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và vấn đề dân tộc hoặc về đoàn kết lương giáo mà bàn về cách giải quyết vấn đề dân tộc (quốc gia) trong mối tương quan với tôn giáo, về mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo nhằm làm tăng sức mạnh đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh. Tức là, đặt và giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo như một cặp song hành, thống nhất, đồng bộ trong sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc (cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp) vẫn luôn là vấn đề nhạy cảm, bị các thế lực thù địch công kích lợi dụng để chống phá thành quả cách mạng của Việt Nam, thì việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo lại càng có giá trị cả về mặt lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Trên thực tế, giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo thực chất là giải quyết hài hòa, khoa học mối quan hệ giữa dân tộc (quốc gia) và tôn giáo để thực hiện mục tiêu

đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, đồng bào các tôn giáo lại đều thuộc về một dân tộc nhất định, có phong tục, tập quán, ngôn ngữ, trình độ và địa bàn cư trú khác nhau. Trong đó, đồng bào các dân tộc thiểu số do trình độ nhận thức có hạn nên thường xuyên bị các thế lực xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để công kích, chống phá cách mạng. Cho nên, trong giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo phải đặc biệt chú trọng, quan tâm tới đời sống đồng bào theo tôn giáo thuộc các dân tộc thiểu số để thực hiện thành công mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

II- MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Dân tộc và tôn giáo là hai thành tố quan trọng trong khối đại đoàn kết dân tộc. Lịch sử cho thấy, quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng dân tộc Việt Nam luôn có sự gắn bó khăng khít không tách rời với tôn giáo, bao gồm cả tín ngưỡng dân gian, vốn đã trở thành thứ “tôn giáo bản địa” mang bản sắc độc đáo của dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh rất quan tâm đến mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo, bởi lẽ Người nhận thấy tầm quan trọng của việc phát huy những giá trị to lớn của mối quan hệ dân tộc - tôn giáo trong việc thực hiện sứ mệnh của dân tộc Việt Nam trong tiến trình cách mạng. Gắn với thực tiễn cách mạng, mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo

được Hồ Chí Minh khẳng định: chỉ có độc lập dân tộc mới đem lại tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho nhân dân và phát huy đoàn kết tôn giáo, tín ngưỡng sẽ tạo động lực cho xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Độc lập dân tộc là cơ sở đầu tiên để thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và bình đẳng giữa các dân tộc.

Tư tưởng mang tính nguyên tắc và nhất quán của Hồ Chí Minh là tôn giáo không nằm ngoài mối quan hệ với dân tộc, không thể tách rời vận mệnh đất nước; vì vậy, phải có độc lập cho dân tộc mới thực hiện được quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho nhân dân, thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc trong cộng đồng người Việt. Người kêu gọi mọi người Việt Nam yêu nước, dù khác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cũng đều phải góp sức mình để giành lại nền độc lập cho nước nhà. Hồ Chí Minh hiểu rõ độc lập, tự do, hạnh phúc là mong ước và nguyện vọng của nhân dân toàn thế giới. Sẽ không có tự do, hạnh phúc nếu đất nước còn dưới ách nô lệ của thực dân, đế quốc. Vì thế mà đồng bào, nhân dân cả nước, không phân biệt già trẻ, trai gái, giàu nghèo, tôn giáo... đều phải đồng lòng, đoàn kết, đều phải đặt lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc lên trên hết. Khi toàn thể nhân dân hướng về mục tiêu chung đó thì mọi ranh giới khác biệt về sắc tộc, quan điểm, tư tưởng, tôn giáo... đều bị xóa nhòa. Vì thế, giữa tôn giáo và dân tộc có mối quan hệ biện chứng với nhau.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, điểm chung nhất trong mối quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc, giữa đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo chính là lợi ích dân tộc; đó là quyền được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc. Đồng bào lương cũng như giáo trên cả nước đều phải đặt lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc lên trên hết. Người khẳng định: “Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta... Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta”¹.

Lịch sử hình thành các tôn giáo tại Việt Nam không giống nhau, mỗi tôn giáo lại có hệ thống giáo lý, giáo luật, chức sắc, tín đồ, phương pháp hành đạo khác nhau, song đều tồn tại, chung sống hòa bình, ổn định trong lòng dân tộc. Mọi tín đồ tôn giáo trên đất nước Việt Nam đều là “con Lạc, cháu Hồng”, là anh em ruột thịt, là thành viên của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Vì vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tín đồ tôn giáo vừa là thành viên của cộng đồng người Việt, vừa là tín đồ sống đời sống tôn giáo của mình. Bất kỳ tôn giáo nào, khi đã hội nhập đời sống xã hội đều phải thực hiện nghĩa vụ và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.249-250.

trách nhiệm với đất nước, với nhân dân bên cạnh việc thực hành tín ngưỡng, tôn giáo của mình.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo, bao giờ vấn đề dân tộc cũng được đặt lên hàng đầu, song tôn giáo cũng là thành tố quan trọng không thể coi nhẹ. Dân tộc độc lập và thống nhất khi và chỉ khi đoàn kết và thống nhất được toàn thể nhân dân, trong đó có bộ phận không nhỏ nhân dân có tín ngưỡng, tôn giáo. Người cho rằng, đức tin tôn giáo và lòng yêu nước không những không mâu thuẫn mà còn thống nhất trong mối liên hệ tương hỗ, bổ trợ cho nhau, bởi nó cùng hướng đến mục tiêu, khát vọng tự do, cứu khổ cứu nạn cho con người. Lòng kính Chúa, hướng Phật tạo thành hành động thiết thực để xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ hòa bình cũng như đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp khỏi ách thống trị của thực dân và đế quốc trong thời chiến. Hồ Chí Minh luôn quan tâm, động viên đồng bào tôn giáo: “Hôm nay, đồng bào lễ Chúa trong một bầu không khí chiến tranh, vì giặc Pháp còn đang giày xéo trên đất nước ta. Song rồi đây, thắng lợi sẽ cho chúng ta lễ Chúa long trọng hơn, trong một bầu không khí vui vẻ và tươi sáng của một nước hoàn toàn thống nhất và độc lập”¹; “Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.658.

ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ”¹.

Lịch sử đã chứng minh nhờ có tranh thủ, vận động được sự đồng tình ủng hộ của đồng bào lương, giáo và các dân tộc, giai tầng trong xã hội, mà nhân dân ta đã tạo thành khối đoàn kết vững chắc làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đánh bại thực dân Pháp xâm lược giành lấy tự do, độc lập về tay nhân dân.

Ngày 3/9/1945, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị thực hiện ngay các quyền cơ bản của nhân dân, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Người viết: “Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi, có sáu vấn đề: ... *Vấn đề thứ sáu* - Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”².

Đất nước giành được độc lập là môi trường và điều kiện hết sức thuận lợi cho các tôn giáo phát triển, nhân dân được tự do thực hành tín ngưỡng dưới sự bảo đảm và tôn trọng của Nhà nước. Người tìm được điểm tương

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.228.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.6-8.

đồng giữa đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc và mục đích của các tôn giáo. Điều này đã tạo cơ sở cho sự nhất trí cao và ủng hộ mạnh mẽ của các tín đồ tôn giáo đối với đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; đồng thời, bác bỏ mọi âm mưu đặt vấn đề tôn giáo đối lập với vấn đề dân tộc của kẻ thù, hòng chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

Việc Hồ Chí Minh coi độc lập dân tộc là cơ sở đầu tiên để thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và bình đẳng dân tộc của nhân dân chính là biểu hiện sự vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Đồng thời, cũng phù hợp với mục tiêu hành đạo của các tôn giáo chân chính, coi trọng Tổ quốc, coi trọng tự do, bình đẳng và quyền con người.

Niềm tin tôn giáo thống nhất gắn với lòng yêu nước và nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cơ bản, xuyên suốt trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Nó phản ánh nguyện vọng của nhân dân lao động và phù hợp với quy luật phát triển của xã hội Việt Nam trong thời đại mới. Bởi vì, theo Hồ Chí Minh, chỉ hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội, và chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới giữ được thành quả do sự nghiệp giải phóng mang lại.

Ở một chừng mực nhất định, lý tưởng cộng sản và đạo đức tôn giáo có những điểm tương đồng. Lý tưởng cộng sản và học thuyết tôn giáo chân chính đều muốn xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, bất công và hướng tới một thế giới đại đồng, đem tới một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người. Những điều khẳng định trên được minh chứng bằng sự ra đời cũng như những nội dung thấm đượm tinh thần nhân văn trong giáo lý của các tôn giáo. Đó là Kitô giáo xây dựng một thiên đường và mọi người đều bình đẳng trước Chúa; là Phật giáo xây dựng một cõi niết bàn, nơi mọi người sẽ thoát khỏi bể khổ, trầm luân...

Xét về mục tiêu, các tôn giáo hướng tới việc xây dựng thiên đàng, niết bàn ở thế giới bên kia, trong khi chủ nghĩa xã hội đề ra nhiệm vụ xây dựng thiên đàng, niết bàn ngay trên trần thế. Hồ Chí Minh đã chủ động khai thác yếu tố tương đồng căn bản của các tôn giáo nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết, hướng đến mục tiêu phụng sự lợi ích của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Người nói: “Mục đích Chính phủ ta theo đuổi là chiến đấu vì nền độc lập và đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Song, để đạt tới hạnh phúc đó cho mọi người thì cần phải xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu đức Chúa Giêsu sinh ra vào thời đại chúng ta và phải đặt mình trước những nỗi khổ đau của người đương thời, chắc ngài sẽ là một người xã hội chủ nghĩa đi theo con đường cứu